

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HS-ST

Ngày: 13/5/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Ông Nguyễn Việt Hòa

Bà Nguyễn Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. **Hoàng Văn T** (tên gọi khác: Hoàng Văn T1); sinh ngày 20/6/1960; CCCD số 030060021972; nơi đăng ký thường trú: Đ, thôn M, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Số A T, Khu D, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3; bị cáo không có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/8/1985, Tòa án nhân dân thị xã Hải Dương, tỉnh Hải Dương xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Ngày 25/10/1985, Tòa án nhân dân thị xã Hải Dương xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, tổng hợp với bản án ngày 17/8/1985 buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm tù. Ngày 11/9/1991, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 08 năm tù về 02 tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tại Bản án số 1020 ngày 21/6/1997, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, thời hạn tù tính từ ngày 18/7/1996. Tại Bản án số 1102 ngày 26/7/1997, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội xử phạt 12 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”. Tại Bản án số 1719 ngày 27/10/1997,

Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại H xử phạt 10 năm tù về hai tội “Trộm cắp tài sản của công dân” và tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 22/12/1997, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương ra Quyết định số 353 tổng hợp hình phạt của nhiều bản án buộc Hoàng Văn T1 (Thuyền) phải chấp hành 03 bản án (bản án số 1020 ngày 21/6/1997; bản án số 1102 ngày 26/7/1997 và bản án số 1719 ngày 27/10/1997 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội) buộc T1 phải chấp hành hình phạt chung là 20 năm, thời hạn tù được tính từ ngày 18/7/1996. Tại Bản án số 42/2008/HSST ngày 28/10/2008, Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ xử phạt 54 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt mà bị cáo chưa chấp hành theo Quyết định số 353 ngày 22/12/1997 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương còn lại là 07 năm 05 tháng 01 ngày, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 năm 11 tháng 01 ngày, thời hạn tính từ ngày bắt tạm giam 17/8/2008. Ngày 18/8/2020 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; ngày 08/5/2022 chấp hành xong phần thi hành án dân sự của bản án; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 24/12/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T: Luật sư Trần Trung K - Văn phòng L1; địa chỉ: Số A đường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

2. Đinh Duy K1; sinh ngày 12/9/1981; CCCD số 030081018923; nơi cư trú: Số nhà E đường H, phường Q, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Bá L và bà Phạm Thị B; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 19/12/2024 đến ngày 24/12/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Duy K1: Luật sư Phan Thị Bình M - Văn phòng L2; địa chỉ: Số C đường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người chứng kiến: Anh Nguyễn Đức T4, sinh năm 1987; anh Trần Anh T5, sinh năm 1974; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 20 phút ngày 18/12/2024, tại Km72+100 Quốc lộ E chiều Hà Nội đi Hải Phòng thuộc địa phận thôn D, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh H phối hợp với Công an thị trấn P, huyện K phát hiện, bắt quả tang Hoàng Văn T đang cất giấu 01 túi giấy màu trắng, kích thước khoảng (5x20x24)cm, bên trong có 01 túi nilon màu đen, trong túi nilon có 02 khối hộp hình chữ nhật đều chứa chất bột màu trắng, trên xe ô tô taxi do anh Nguyễn Đức T4, sinh năm 1987, trú tại số A L, phường B, quận N, thành phố Hải Phòng điều khiển. T khai nhận đây là H, T đang mang đi bán kiếm lời.

Kết quả điều tra xác định: Hoàng Văn T và Đinh Duy K1 quen biết do trước đây cùng buôn bán rau, củ, quả. Thuyền đã giúp đỡ K1 nhiều lần trong cuộc sống hàng ngày. Hồi 18 giờ 47 phút ngày 15/12/2024, Hoàng Văn T gọi điện thoại gửi K1 cất hộ túi đồ, mấy hôm sau sẽ lấy. K1 đồng ý và hẹn T đem túi đồ đến số G đường L, phường H, thành phố H (K1 đang chơi tại đây). Thuyền thuê xe taxi đến đưa cho K1 01 túi giấy màu trắng, kích thước khoảng (5x20x24)cm bên trong có 02 bánh ma túy loại Heroine, K1 không kiểm tra, không biết trong túi chứa những đồ gì nhưng vẫn cầm túi đựng ma túy do T gửi đem về nhà ở số E phố H, phường Q, thành phố H và đặt trên mặt loa tại phòng khách tầng 1. Ngày hôm sau, T gọi điện cho K1 bảo trong túi có “đồ”, phải cất cẩn thận; K1 không mở túi ra xem nhưng biết bên trong túi đồ Thuyền gửi là ma túy. Hồi 15 giờ 30 phút ngày 18/12/2024, T thuê taxi của anh Nguyễn Đức T4 đi từ nhà đến quán C ở lô B đường T, thành phố H và gọi điện gặp K1 tại quán C1. K1 điều khiển xe mô tô biển số 29T2-159.22 đến quán C gặp T và bảo T đến nhà K1 lấy ma túy. Thuyền đi xe mô tô phía trước, T đi taxi phía sau. Khi đến nơi, T bảo lái xe taxi đợi ở ngoài, T xuống xe đi bộ đến gần cửa nhà K1; K1 đưa cho T túi giấy màu trắng, bên trong có 02 bánh ma túy Heroine mà T gửi trước đó. T cầm túi ma túy lên xe taxi, để sau lưng Thuyền ở ghế phụ và bảo lái xe đi đến đường ra sân bay C để gặp người mua ma túy. Khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày khi đi đến Km72+100 Quốc lộ E chiều Hà Nội - Hải Phòng phát hiện bắt quả tang, thu giữ túi ma túy và 02 điện thoại di động của K1.

Về nguồn gốc ma túy bị thu giữ T khai: Tối 15/12/2024, tại đoạn đường rẽ vào chợ H2, thành phố H, tỉnh Hải Dương, T mua của một người đàn ông tên H1 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) 02 bánh Heroine với giá 180.000.000 đồng, dự kiến mang đến thành phố Hải Phòng bán cho người đàn ông tên B có số điện thoại là 0914.836.990 với giá 220.000.000 đồng nhưng không có căn cứ để kết luận.

Tại Kết luận giám định số 28 ngày 21/12/2024, Phòng K2 - Công an tỉnh H, kết luận: 02 bánh chất bột màu trắng trong túi nilon màu đen được gửi giám định có tổng khối lượng 659,333 gam là ma túy loại Heroine

Tại Cáo trạng số 32/CT-VKS-P1 ngày 15/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo Hoàng Văn T và Đinh Duy K1 tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo K1 xác định ngày 16/12/2024 khi bị cáo T gọi điện báo thì bị cáo K1 biết trong túi đồ của bị cáo T có ma túy. Ngày 18/12/2024, khi bị cáo T đến lấy túi ma túy bị cáo K1 biết bị cáo T mang đi bán còn bán cho ai thì không biết.

Người bào chữa cho các bị cáo đồng ý về tội danh, điều khoản pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vì đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo và đề nghị xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất có thể.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T 20 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/12/2024. Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K1 từ 17 năm đến 18 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/12/2024. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ lượng ma túy đã thu giữ trong vụ án do cơ quan giám định hoàn lại. Tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu đỏ gắn sim số 0898.264.651 của bị cáo T. Trả lại bị cáo T 01 điện thoại Iphone 11 màu xanh gắn sim số 0913.220.445. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T, buộc bị cáo K1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Chiều ngày 15/12/2024, tại thành phố H, Hoàng Văn T mua 02 bánh ma túy loại Heroine trọng lượng 659,333 gam của người không quen biết rồi giao cho Đinh Duy K1 giữ hộ tại nơi ở của K1 tại địa chỉ số E Hồ N, phường Q, thành phố H để bán kiếm lợi. Hồi 17 giờ 20 phút ngày 18/12/2024 tại đoạn đường K+100, Quốc lộ E, chiều Hà Nội - Hải Phòng thuộc địa phận thôn D, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương khi T đang vận chuyển trái phép số Heroine nêu trên đi bán thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội

trên địa bàn. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rõ quy định của pháp luật về việc cấm mua bán trái phép các chất ma túy nhưng vẫn cố ý thực hiện vì vụ lợi. Bị cáo K1 biết rõ bị cáo T gửi ma túy để bán nhưng vẫn đồng ý và cất giữ ma túy cho bị cáo T tại nơi ở của mình. Lời khai của bị cáo K1 tại phiên tòa xác định khi giao trả bị cáo Thuyền ma túy, bị cáo K1 nhận thức được bị cáo T mang ma túy đi bán nhưng không biết bán cho ai. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ. Trong vụ án này, bị cáo T là người trực tiếp mua ma túy mang đi bán nên giữ vai trò chính; bị cáo K1 giúp sức cho bị cáo T cất giấu ma túy để bị cáo T bán nên là đồng phạm giúp sức.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T có bố đẻ là liệt sĩ, mẹ đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo K1 đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi đầu thú, bị cáo K1 đã tự nguyện khai nhận toàn bộ hành vi đồng phạm với bị cáo T, tỏ thái độ ăn năn hối cải và đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nhân thân: Bị cáo T nhiều lần bị xét xử và phải chấp hành hình phạt nhưng đã được xóa án tích. Bị cáo K1 chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt.

[5] Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục các bị cáo. Bị cáo K1 là đồng phạm giúp sức có vai trò không đáng kể so với hành vi của bị cáo T và không được hưởng lợi, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ trừng trị, giáo dục bị cáo đồng thời thể hiện tính khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Toàn bộ số ma túy thu giữ sau giám định hoàn lại là chất Nhà nước cấm lưu hành và thẻ sim điện thoại số 0898264651 thu giữ của bị cáo T đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho hủy bỏ.

Chiếc điện thoại di động Iphone 8 plus màu đỏ thu giữ của bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

Chiếc điện thoại di động Iphone 11 promax màu xanh kèm theo thẻ sim điện thoại số 0913220445 của bị cáo T không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với thuê bao điện thoại bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H kiến nghị đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông xử lý theo quy định của Điều 9 và Điều 53 Luật Viễn thông nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo T trên 60 tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo K1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với người bán ma túy cho Hoàng Văn T và người nhận mua ma túy của T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã truy tìm, xác minh nhưng không xác định được là ai, ở đâu, nên không có căn cứ để xử lý. Đối với anh Nguyễn Đức T4 là lái xe taxi không biết việc T cất giấu ma túy đem đi bán nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Hoàng Văn T;

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với Đinh Duy K1;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo.

2. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T (tên gọi khác: Hoàng Văn T1) và Đinh Duy K1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

3. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T (tên gọi khác Hoàng Văn T1) 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/12/2024.

- Xử phạt bị cáo Đinh Duy K1 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 19/12/2024.

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

5. Về vật chứng:

- Tịch thu toàn bộ lượng ma túy do Cơ quan giám định hoàn lại đựng trong 01 hộp bìa catton niêm phong số 28/KL-KTHS của Phòng K2 - Công an tỉnh H và thẻ sim điện thoại số 0898264651 của bị cáo T cho tiêu hủy.

- Tịch thu của bị cáo T 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu đỏ cho phát mại sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại bị cáo T 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax màu xanh và thẻ sim điện thoại số 0913220445.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận tài sản, vật chứng ngày 22/4/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương)

6. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn T. Buộc bị cáo Đinh Duy K1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương (PC04);
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS - CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu